

PTN/Số: HA.26.02495

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**  
524 Đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- Địa điểm lấy mẫu: **ĐÀI 500 - NGUYỄN HUỆ - XÃ DI LINH - LÂM ĐỒNG**
- Loại mẫu: Nước sạch

| Mã số mẫu   | Thông tin mẫu | Phương pháp lấy mẫu | Tình trạng mẫu |
|-------------|---------------|---------------------|----------------|
| HA.26.02495 | Nước sạch     | Khách hàng gửi mẫu  | Trong          |

4. Ngày nhận mẫu: 07/04/2026

Thời gian thử nghiệm: 07/04/2026 - 17/04/2026

5. Ngày trả kết quả: 17/04/2026

6. Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Thông số                              | Đơn vị    | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | QCĐP 01-2023    |
|-----|---------------------------------------|-----------|------------------------|--------------------|-----------------|
|     |                                       |           |                        | HA.26.02495        | /LĐ             |
| 1.  | pH <sup>(a)</sup>                     | --        | TCVN 6492:2011         | 7,2                | 6,0 - 8,5       |
| 2.  | Màu sắc <sup>(a)</sup>                | Pt - Co   | TCVN 6185:2015         | 4                  | 15              |
| 3.  | Mùi <sup>(a)</sup>                    | --        | TCVN 2653:1978         | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ |
| 4.  | Độ đục <sup>(a)</sup>                 | NTU       | TCVN 6184:1996         | KPH (LOD=0)        | 2               |
| 5.  | Cl <sub>đư</sub> tự do <sup>(a)</sup> | mg/L      | TCVN 6225-2:2012       | 0,21               | 0,2 - 1,0       |
| 6.  | As <sup>(a)</sup>                     | mg/L      | SMEWW 3114B:2023       | KPH (LOD=0,002)    | 0,01            |
| 7.  | E.Coli <sup>(a)</sup>                 | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014        | KPH (LOD=1)        | <1              |
| 8.  | Coliform <sup>(a)</sup>               | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014        | KPH (LOD=1)        | <3              |

**Ghi chú:** <sup>(a)</sup> : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: không phát hiện

QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

**Phòng Thử Nghiệm****ThS. Tạ Duy Phương****Giám Đốc Kỹ Thuật**  
**Thái Lê Nguyên**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.26.02496

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**  
524 Đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- Địa điểm lấy mẫu: **TRẠM HÒA NINH - THÔN 3 ĐÌNH TRẠNG HÒA - XÃ HÒA NINH**
- Loại mẫu: Nước sạch

| Mã số mẫu   | Thông tin mẫu | Phương pháp lấy mẫu | Tình trạng mẫu |
|-------------|---------------|---------------------|----------------|
| HA.26.02496 | Nước sạch     | Khách hàng gửi mẫu  | Trong          |

- Ngày nhận mẫu: 07/04/2026 Thời gian thử nghiệm: 07/04/2026 - 17/04/2026
- Ngày trả kết quả: 17/04/2026
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Thông số                              | Đơn vị    | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | QCĐP 01-2023    |
|-----|---------------------------------------|-----------|------------------------|--------------------|-----------------|
|     |                                       |           |                        | HA.26.02496        | /LĐ             |
| 1.  | pH <sup>(a)</sup>                     | --        | TCVN 6492:2011         | 7,3                | 6,0 - 8,5       |
| 2.  | Màu sắc <sup>(a)</sup>                | Pt - Co   | TCVN 6185:2015         | <3                 | 15              |
| 3.  | Mùi <sup>(a)</sup>                    | --        | TCVN 2653:1978         | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ |
| 4.  | Độ đục <sup>(a)</sup>                 | NTU       | TCVN 6184:1996         | KPH (LOD=0)        | 2               |
| 5.  | Cl <sub>đư tự do</sub> <sup>(a)</sup> | mg/L      | TCVN 6225-2:2012       | 0,23               | 0,2 - 1,0       |
| 6.  | As <sup>(a)</sup>                     | mg/L      | SMEWW 3114B:2023       | KPH (LOD=0,002)    | 0,01            |
| 7.  | E.Coli <sup>(a)</sup>                 | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014        | KPH (LOD=1)        | <1              |
| 8.  | Coliform <sup>(a)</sup>               | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014        | KPH (LOD=1)        | <3              |

Ghi chú: <sup>(a)</sup> : Chi tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: không phát hiện

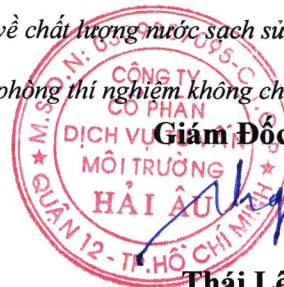
QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phương



Giám Đốc Kỹ Thuật

Thái Lê Nguyên

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.26.02499

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**  
524 Đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- Địa điểm lấy mẫu: **206 THÔN 2A ĐÌNH TRANG HÒA-XÃ HÒA NINH**
- Loại mẫu: Nước sạch

| Mã số mẫu   | Thông tin mẫu | Phương pháp lấy mẫu | Tình trạng mẫu |
|-------------|---------------|---------------------|----------------|
| HA.26.02499 | Nước sạch     | Khách hàng gửi mẫu  | Trong          |

- Ngày nhận mẫu: 07/04/2026 Thời gian thử nghiệm: 07/04/2026 - 17/04/2026
- Ngày trả kết quả: 17/04/2026
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Thông số                              | Đơn vị    | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | QCĐP 01-2023 /LĐ |
|-----|---------------------------------------|-----------|------------------------|--------------------|------------------|
|     |                                       |           |                        | HA.26.02499        |                  |
| 1.  | pH <sup>(a)</sup>                     | --        | TCVN 6492:2011         | 7,4                | 6,0 - 8,5        |
| 2.  | Màu sắc <sup>(a)</sup>                | Pt - Co   | TCVN 6185:2015         | 6                  | 15               |
| 3.  | Mùi <sup>(a)</sup>                    | --        | TCVN 2653:1978         | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ  |
| 4.  | Độ đục <sup>(a)</sup>                 | NTU       | TCVN 6184:1996         | KPH (LOD=0)        | 2                |
| 5.  | Cl <sub>đư</sub> tự do <sup>(a)</sup> | mg/L      | TCVN 6225-2:2012       | 0,28               | 0,2 - 1,0        |
| 6.  | As <sup>(a)</sup>                     | mg/L      | SMEWW 3114B:2023       | KPH (LOD=0,002)    | 0,01             |
| 7.  | E.Coli <sup>(a)</sup>                 | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014        | KPH (LOD=1)        | <1               |
| 8.  | Coliform <sup>(a)</sup>               | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014        | KPH (LOD=1)        | <3               |

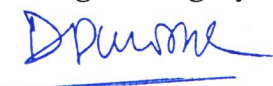
Ghi chú: <sup>(a)</sup> : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: không phát hiện

QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phụng



Giám Đốc Kỹ Thuật

Thái Lê Nguyên

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.26.02498

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**  
524 Đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- Địa điểm lấy mẫu: **97 THÔN 2 TÂN CHÂU-XÃ DI LINH**
- Loại mẫu: Nước sạch

| Mã số mẫu   | Thông tin mẫu | Phương pháp lấy mẫu | Tình trạng mẫu |
|-------------|---------------|---------------------|----------------|
| HA.26.02498 | Nước sạch     | Khách hàng gửi mẫu  | Trong          |

- Ngày nhận mẫu: 07/04/2026 Thời gian thử nghiệm: 07/04/2026 - 17/04/2026
- Ngày trả kết quả: 17/04/2026
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Thông số                              | Đơn vị    | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | QCĐP 01-2023 /LĐ |
|-----|---------------------------------------|-----------|------------------------|--------------------|------------------|
|     |                                       |           |                        | HA.26.02498        |                  |
| 1.  | pH <sup>(a)</sup>                     | --        | TCVN 6492:2011         | 7,5                | 6,0 - 8,5        |
| 2.  | Màu sắc <sup>(a)</sup>                | Pt - Co   | TCVN 6185:2015         | 3                  | 15               |
| 3.  | Mùi <sup>(a)</sup>                    | --        | TCVN 2653:1978         | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ  |
| 4.  | Độ đục <sup>(a)</sup>                 | NTU       | TCVN 6184:1996         | KPH (LOD=0)        | 2                |
| 5.  | Cl <sub>đư</sub> tự do <sup>(a)</sup> | mg/L      | TCVN 6225-2:2012       | 0,24               | 0,2 - 1,0        |
| 6.  | As <sup>(a)</sup>                     | mg/L      | SMEWW 3114B:2023       | KPH (LOD=0,002)    | 0,01             |
| 7.  | E.Coli <sup>(a)</sup>                 | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014        | KPH (LOD=1)        | <1               |
| 8.  | Coliform <sup>(a)</sup>               | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014        | KPH (LOD=1)        | <3               |

Ghi chú: <sup>(a)</sup> : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: không phát hiện

QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phương

Giám Đốc Kỹ Thuật



Thái Lê Nguyên

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.26.02497

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**  
524 Đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- Địa điểm lấy mẫu: **29 ĐỒNG LẠC 1 - XÃ BẢO THUẬN- LÂM ĐỒNG**
- Loại mẫu: Nước sạch

| Mã số mẫu   | Thông tin mẫu | Phương pháp lấy mẫu | Tình trạng mẫu |
|-------------|---------------|---------------------|----------------|
| HA.26.02497 | Nước sạch     | Khách hàng gửi mẫu  | Trong          |

- Ngày nhận mẫu: 07/04/2026 Thời gian thử nghiệm: 07/04/2026 - 17/04/2026
- Ngày trả kết quả: 17/04/2026
- Kết quả thử nghiệm:

| Stt | Thông số                    | Đơn vị    | Phương pháp thử nghiệm | Kết quả thử nghiệm | QCDP 01-2023 /LĐ |
|-----|-----------------------------|-----------|------------------------|--------------------|------------------|
|     |                             |           |                        | HA.26.02497        |                  |
| 1.  | pH <sup>(a)</sup>           | --        | TCVN 6492:2011         | 7,1                | 6,0 - 8,5        |
| 2.  | Màu sắc <sup>(a)</sup>      | Pt - Co   | TCVN 6185:2015         | KPH (LOD=1)        | 15               |
| 3.  | Mùi <sup>(a)</sup>          | --        | TCVN 2653:1978         | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ  |
| 4.  | Độ đục <sup>(a)</sup>       | NTU       | TCVN 6184:1996         | KPH (LOD=0)        | 2                |
| 5.  | Clorur tự do <sup>(a)</sup> | mg/L      | TCVN 6225-2:2012       | 0,22               | 0,2 - 1,0        |
| 6.  | As <sup>(a)s</sup>          | mg/L      | SMEWW 3114B:2023       | KPH (LOD=0,002)    | 0,01             |
| 7.  | E.Coli <sup>(a)</sup>       | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014        | KPH (LOD=1)        | <1               |
| 8.  | Coliform <sup>(a)</sup>     | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014        | KPH (LOD=1)        | <3               |

Ghi chú: <sup>(a)</sup> : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: không phát hiện

QCDP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

**Phòng Thử Nghiệm**



**ThS. Tạ Duy Phương**



**Giám Đốc Kỹ Thuật**

  
**Thái Lê Nguyên**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu